



CONTOUR INTERVAL. 20 METERS  
SUPPLEMENTARY CONTOURS. 10 METERS

|                  |                                              |
|------------------|----------------------------------------------|
| SPACING          | EVEREST                                      |
| GRID             | 1,000 METER UTM ZONE 48 BLACK NUMBERED LINES |
| PROJECTION       | TRANSVERSE MERCATOR                          |
| VERTICAL DATUM   | MEAN SEA LEVEL AT 4 M TIDE                   |
| HORIZONTAL DATUM | INDIAN DATUM 1960                            |

CREDITS

|                   |                             |
|-------------------|-----------------------------|
| PREPARED BY       | 2010 EXOR ON 5.6 APRIL 1970 |
| DRAWN DATA BY     | WIS. 107404                 |
| CONTROL BY        | GEOMATIC. 002. 107404       |
| COMPLETION METHOD | PHOTO REVISION OF 1974 MAPS |

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

**KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT**  
**CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ THUỘC VÀ MẶT**

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE

GLOSSARY - CỐ TỪ

IN TAI: SƯỞNG IN CỤC BẮN BỐ ĐỘ TỔNG THAM VỤ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM THÁNG 4 NĂM 1971



XÁ XUÂN LỘC, VIETNAM STOCK NO. L701464304\*\*\*02